

Bản tin chứng khoán

Trong số này

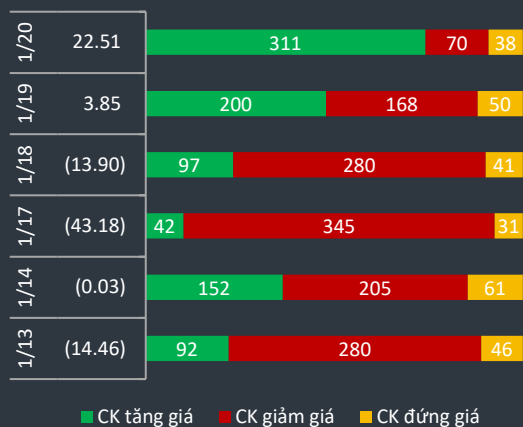
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

HPG		57.77
CTG		49.74
GAS		28.87
MSN		26.10
HDB		25.81
VHM		16.71
DIG		15.80
SSI	(25.69)	
CII	(30.26)	
DGW	(39.09)	
STB	(46.32)	
NLC(113.08)		
NVL (121.65)		

Thị trường hôm nay đã hồi sinh mạnh mẽ mà phát pháo tín hiệu đầu tiên lại đến từ nhóm bất động sản. Đầu phiên hàng loạt cổ phiếu lớn thoát giá sàn và lực bắt đáy gia tăng rất mạnh. FLC là cổ phiếu được trông chờ nhiều nhất cũng bất ngờ hủy lệnh bán hơn 20 triệu và sau đó là lực cầu hút toàn bộ lệnh bán sàn hơn 20 triệu còn lại sau đó. Giá của FLC không có cơ hội hồi phục như những cổ phiếu bất động sản khác mà ngay sau đó một lượng cung lớn tiếp tục đổ bán sàn. Tổng giá trị khớp lệnh của FLC trong ngày được khoảng 43 triệu cổ phiếu và vẫn còn dư bán 20 triệu cuối phiên. ROS có lượng giao dịch thấp hơn chỉ khoảng 3.2 triệu cổ phiếu và vẫn còn dư bán sàn hơn 53 triệu cổ phiếu. Cả ROS, FLC đều đã giảm 50% so với giá đỉnh cách đây chỉ khoảng 10 phiên.

DIG là cổ phiếu bất động sản đảo chiều mạnh mẽ nhất khi từ mức dư bán sàn chuyển sang dư mua trần hơn 1 triệu đơn vị cuối phiên. Nhiều cổ phiếu BĐS và xây dựng khác cũng đảo trần mạnh như DLG, DRH, LDG, ASM, CEO ... Cổ phiếu khu công nghiệp cũng tăng mạnh ở hàng loạt cổ phiếu SZC, ITA, KBC, TIP, IDC, BCM.

Nhóm cổ phiếu thép cũng ghi nhận sự tích cực trở lại sau chuỗi điều chỉnh gần 3 tháng qua. Nhóm thép xanh đều chủ yếu ở nhóm công ty thương mại và sản xuất nhỏ như VGS, TNS, TNA, POM, MHL. Nhóm NKG, HPG, HSG lại không tăng nhiều và chỉ nhỉnh hơn tham chiếu khoảng 1%.

Cổ phiếu ngân hàng khá trầm lắng trong ngày và đến khi chỉ số Vnindex tăng vượt 10 điểm thì dòng tiền mới có sự dịch chuyển dần và kéo nhóm bank tăng tốt hơn. BID là điểm sáng với giá trần cuối phiên. Một số bank lớn SHB, CTG, STB cũng tăng hơn 3%. OCB trong ngày chỉ hơn tham chiếu một chút với thanh khoản khá thấp chỉ khoảng 1.5 triệu khớp lệnh.

Cổ phiếu chứng khoán có mức hồi mạnh hơn trong đó nhóm cổ phiếu tầm trung và nhỏ tăng mạnh nhất như APS, IVS, TVS, VIG, DSC ... VCI hôm nay tiếp tục xanh mạnh 3.8% trong khi SSI, VND, VDS chỉ quanh mức 1.5%.

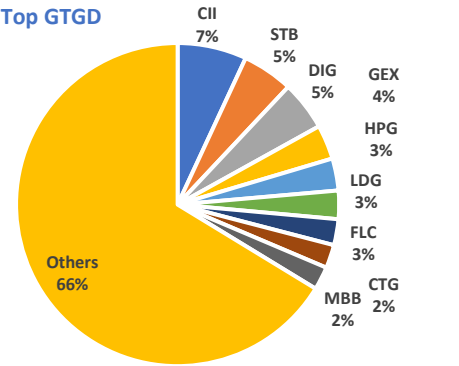
Vnindex 1,465.3
▲ +22.51 (+1.56%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
BID	46.7	3,050	6.99
POW	17.0	950	5.92
BCM	75.8	3,100	4.26
CTG	35.1	1,300	3.85
STB	33.8	900	2.74
GVR	32.5	700	2.20
MBB	30.2	600	2.03
GAS	108.6	1,600	1.50
VPB	34.0	450	1.34
VHM	78.6	1,000	1.29
MSN	149.2	1,700	1.15
HPG	44.0	500	1.15
PDR	90.0	1,000	1.12
SSI	45.7	500	1.11
VRE	33.6	350	1.05
VIB	44.0	400	0.92
PNJ	94.4	800	0.85
BVH	52.3	400	0.77
TPB	39.6	300	0.76
REE	65.0	400	0.62
FPT	88.8	500	0.57
HVN	22.8	100	0.44
MWG	134.0	500	0.37
VCB	87.1	300	0.35
NVL	80.2	200	0.25
PLX	54.1	-	-
SAB	150.0	-	-
TCB	48.9	-	-
DHG	103.2	(100)	(0.10)
ACB	33.0	(50)	(0.15)
HDB	28.9	(50)	(0.17)
VNM	83.0	(400)	(0.48)
VIC	95.0	(800)	(0.84)
VJC	123.6	(2,700)	(2.14)



Top GTGD



Thanh khoản trong phiên hôm nay đạt hơn 22 ngàn tỷ, chưa thể đạt mức cao vì nhiều nhà đầu tư vẫn còn kẹt hàng khá nhiều trong FLC, ROS và nhiều cổ phiếu bất động sản giá cao khác. Tuy nhiên với việc mở thanh khoản với FLC hơn 40 triệu cổ phiếu có thể xem là tín hiệu tích cực giúp nhiều nhà đầu tư thoát khỏi trạng thái bị giam hàng và áp lực margin đồng thời mở ra cơ hội mua bán ở các cổ phiếu khác.

Thị trường đang dần trở lại trạng thái cân bằng về dòng tiền vì vậy nhà đầu tư đã có thể tăng cường nắm giữ cổ phiếu. Một số cổ phiếu BĐS đảo chiều hôm nay cho tín hiệu khá có thể tích lũy trở lại như DIG, LDG, NLG, SCR. Các nhóm ngành hiện đang ưu tiên nắm giữ bao gồm BDS khu công nghiệp, chứng khoán, ngân hàng, hóa chất.

Danh mục cổ phiếu hôm nay bổ sung trạng thái mua mới VCI, GVR, REE và NLG. Ngưỡng cắt lỗ thực hiện nếu giá cổ phiếu rơi trên 10%.

Cổ phiếu quan tâm

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
VCI	59.7	(5.2)	50	75	Mua mới quanh 55-57. Mục tiêu 75	1/18/2022	2.9%
GVR	32.5	(8.5)	28	40	Mua mới quanh 30. Mục tiêu 45	1/20/2022	1.6%
REE	65.0	(1.7)	60	80	Mua mới quanh 62-64. Mục tiêu 80	1/20/2022	0.0%
NLG	53.8	(2.2)	24	35	Mua mới quanh 52, Cắt lỗ nếu dưới 50	1/20/2022	1.5%
OCB	25.9	(3.9)	24	35	Mua mới quanh 26. mục tiêu 34	1/13/2022	-3.7%
TCB	48.9	(3.3)	40	65	Mua mới quanh 50, mục tiêu 65	1/13/2022	-2.2%
CTG	35.1	(0.1)	30	45	Mua mới quanh 33-35, Mục tiêu 45	1/13/2022	0.3%
STK	54.2	2.3	50	70	Mua quanh 51-53. Mục tiêu 70	1/13/2022	2.3%
VIB	44.0	(5.6)	40	60	Mua quanh 45-47. Mục tiêu 60	1/4/2022	-6.4%
MBB	30.2	1.7	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 35	1/4/2022	4.1%
DBC	74.0	3.6	70	90	Mua quanh 74	1/6/2022	0.0%
MWG	134.0	(1.1)	125	160	Mua quanh 130-135.	1/4/2022	-0.7%
DGW	102.5	(15.7)	120	150	Cắt lỗ - đóng vị thế	1/4/2022	-14.6%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

TTF	3.03
FUCTVGF2	3.05
VJC	3.32
CSV	3.41
PLP	3.57
STB	3.99
PXS	5.09
PVD	5.63
VRC	6.28
VRC	6.28
DPM	6.89
DCM	6.99

Top tăng giá HNX

TTC	-
SDA	-
ACB	0.15
HVT	0.19
VC3	0.34
DBC	0.42
LDP	0.43
DNP	0.53
PPP	0.60
PGS	0.87
SPI	1.01
LHC	1.50
VBC	1.57
HUT	1.59
NBC	1.76
CTC	2.60
PVS	3.21
PLC	3.33
PVB	3.39
PTI	3.51
HVA	4.35
VIT	6.38
SMT	9.17

KDC - Tập đoàn KIDO - Doanh thu thuần năm 2021 đạt 10.501 tỷ đồng, hoàn thành 91% kế hoạch năm và tăng 26% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế đạt 681 tỷ đồng, hoàn thành 85% kế hoạch năm, tăng 64% so với cùng kỳ năm trước.

SSI - CTCP Chứng khoán SSI – Đã thông qua phương án phát hành hơn 497 triệu cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1, với giá 15.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện trong năm 2022.

Doanh thu và lợi nhuận trước thuế quý 4/2021 đạt lần lượt 2.681 tỷ đồng và 1.264 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ vào mức 1.012 tỷ đồng, tăng gấp 2,6 lần so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế cả năm, Công ty ghi nhận tổng doanh thu 7.773 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 3.327 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 72% và 113% so với cùng kỳ năm 2020.

SZG - CTCP Sonadezi Giang Điền - Quý IV/2021, SZG ghi nhận doanh thu đạt 99,75 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 17,69 tỷ đồng, lần lượt giảm 40,3% và 28,45% so với cùng kỳ.

Lũy kế trong năm tài chính 2021, Công ty ghi nhận doanh thu giảm 16,4% về 317,75 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế giảm 13,5% về 58,03 tỷ đồng.

SZC - CTCP Sonadezi Châu Đức - Quý IV/2021, SZC ghi nhận doanh thu đạt 147,71 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 68,1 tỷ đồng, lần lượt tăng 108,8% và 186,7% so với cùng kỳ.

Lũy kế trong năm tài chính 2021, Công ty ghi nhận doanh thu đạt 713,22 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 323,63 tỷ đồng, lần lượt tăng 64,7% và 74% so với thực hiện trong năm 2020.

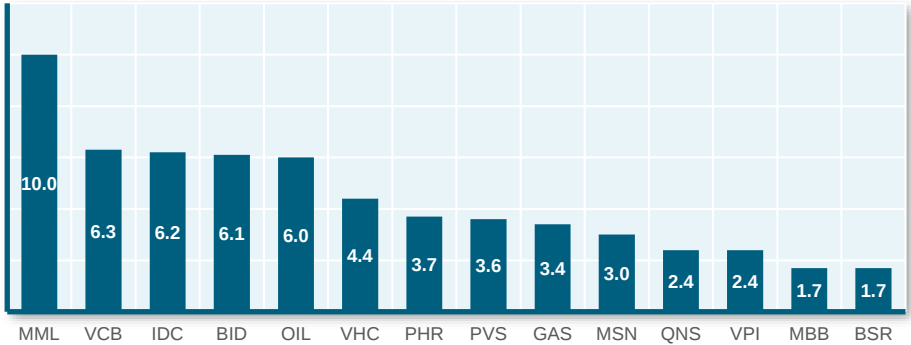
RIC - CTCP Quốc tế Hoàng Gia - Quý IV, RIC ghi nhận doanh thu thuần đạt 7,8 tỷ đồng, giảm 81% so với cùng kỳ năm ngoái do doanh thu khách sạn và biệt thự bị sụt giảm nghiêm trọng. Sau khi trừ chi phí, Công ty lỗ sau thuế 26,7 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ chỉ lỗ 10,3 tỷ đồng.

Lũy kế năm 2021, doanh thu thuần RIC giảm 40% xuống 74,9 tỷ đồng và lỗ ròng 96,5 tỷ đồng (năm ngoái lỗ 81,5 tỷ đồng).

PPC - CTCP Nhiệt điện Phả Lại - Quý IV/2021, PPC ghi nhận doanh thu đạt 538,63 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 63,97 tỷ đồng, lần lượt giảm 71,2% và 87,4% so với cùng kỳ. Trong đó, đáng chú ý, Công ty kinh doanh dưới giá vốn dẫn tới lợi nhuận gộp âm. PPC chỉ thoát lỗ trong kỳ do có doanh thu tài chính và lợi nhuận khác.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



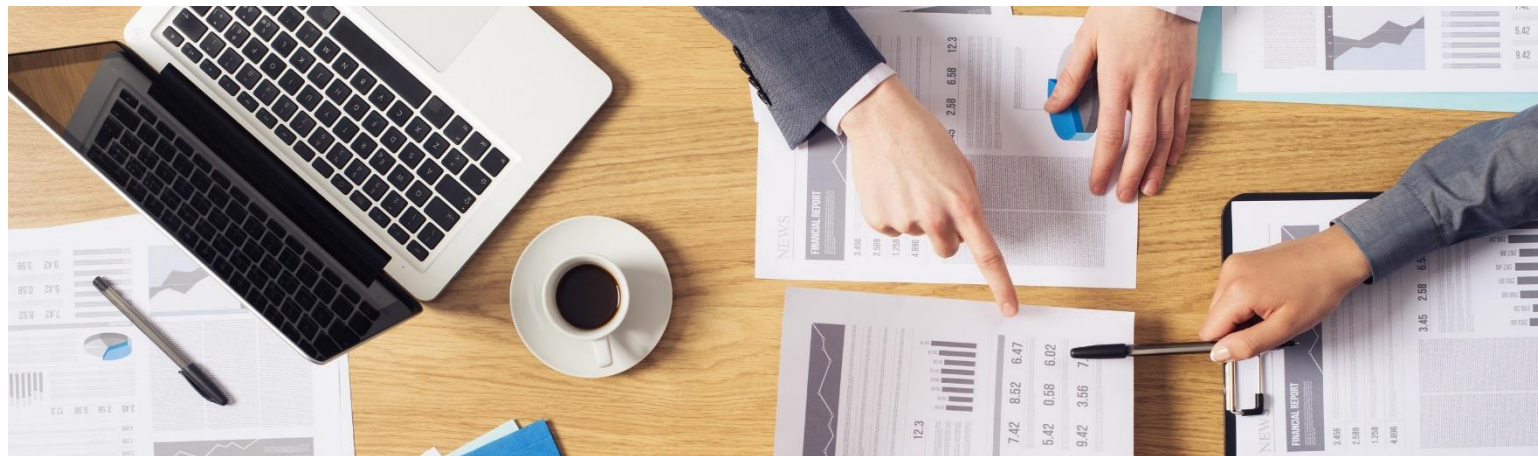
Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	34.0	7,756,800	6.7	1.4	-	265,900	150,924	15.00	5,056	24,447
VIB	HOSE	44.0	2,766,500	7.8	3.2	1,800	-	68,338	20.98	5,638	13,552
VCB	UPCOM	87.1	2,794,300	15.7	3.1	1,029,800	1,094,900	412,202	23.65	5,532	28,293
VBB	HNX	17.4	28,340	21.0	1.5	100	-	8,312	-	830	11,579
VAB	HOSE	14.7	345,361	12.3	1.1	-	-	6,541	0.01	1,196	13,597
TPB	HOSE	39.6	7,434,600	8.7	2.1	222,600	52,300	62,638	29.30	4,565	18,925
TCB	HOSE	48.9	6,430,300	10.6	2.0	700,000	700,000	171,508	23.00	4,614	23,938
STB	UPCOM	33.8	30,983,900	17.6	2.0	1,349,800	2,779,200	63,720	18.23	1,922	16,846
SSB	HOSE	39.3	1,889,700	22.8	3.2	2,100	5,700	58,031	0.03	1,723	12,310
SHB	HOSE	20.5	10,012,700	9.4	1.5	600,500	41,200	54,671	3.30	2,183	14,014
SGB	HNX	17.8	99,650		1.5	-	-	5,482	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	28.5	29,941	38.6	2.1	-	42	8,550	15.00	739	13,529
OCB	HNX	25.9	1,558,600	6.8	1.5	122,300	31,600	35,411	21.91	3,799	17,827
NVB	HOSE	30.0	52,337		2.8	100	-	12,204	8.33	205	10,726
NAB	HOSE	19.0	236,505	5.6	1.2	400	1,000	9,755	0.03	3,367	16,324
MSB	HOSE	26.4	2,837,400	8.0	1.5	-	-	40,250	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	30.2	15,630,500	7.7	1.5	844,100	831,600	114,105	24.00	3,897	19,986
LPB	HOSE	21.3	4,502,200	8.2	1.5	526,000	-	25,636	4.15	2,591	14,466
KLB	HOSE	26.9	147,418	13.2	1.9	-	-	9,724	0.01	2,035	14,117
HDB	HOSE	28.9	4,224,200	7.5	1.7	1,053,900	159,900	58,153	17.64	3,854	17,399
EIB	HOSE	32.6	271,400	37.3	2.3	25,700	13,200	40,080	29.74	874	14,061
CTG	HOSE	35.1	13,774,600	8.0	1.4	1,560,200	87,000	168,682	25.78	4,394	25,028
BVB	HOSE	19.9	1,330,625	17.2	1.6	-	-	7,305	0.06	1,157	12,737
BID	HOSE	46.7	5,637,900	18.6	2.2	257,600	109,000	236,233	16.79	2,512	21,036
BAB	HOSE	22.0	24,016	23.2	1.8	-	-	16,569	-	950	12,242
ACB	HOSE	33.0	3,415,900	7.1	2.2	400,000	400,000	89,029	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	21.1	1,406,080	7.5	1.3	-	-	12,055	30.00	2,801	16,671
			125,621,773	13.89	1.89	8,697,000	6,572,542	1,946,108		2,766	16,602



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	DL1	HNX	9/2/2022	10/2/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2	SAM	HOSE	21/01/2022	24/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10000:439	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
3	HAP	HOSE	20/01/2022	21/01/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
4	BLT	UPCoM	20/01/2022	21/01/2022	15/02/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 970 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	EVE	HOSE	19/01/2022	20/01/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:8	Thưởng cổ phiếu
6	ABT	HOSE	19/01/2022	20/01/2022	27/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	VAB	UPCoM	19/01/2022	20/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10000:2135	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
8	CHC	UPCoM	19/01/2022	20/01/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
9	QNS	UPCoM	19/01/2022	20/01/2022	28/01/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	TUG	UPCoM	19/01/2022	20/01/2022	10/2/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	DAT	HOSE	19/01/2022	20/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
12	FUCTVGF2	HOSE	19/01/2022	20/01/2022	27/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 5,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	PLP	HOSE	18/01/2022	19/01/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
14	BMC	HOSE	18/01/2022	19/01/2022	28/01/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	NVB	HNX	17/01/2022	18/01/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 406803587:150000000, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
16	SSB	HOSE	17/01/2022	18/01/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:12.2633, giá 15,000 đồng/CP	Phát hành thêm
17	EVG	HOSE	17/01/2022	18/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	EVG	HOSE	17/01/2022	18/01/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
19	EIC	UPCoM	14/01/2022	17/01/2022	27/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	GAB	HOSE	14/01/2022	17/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:8	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
21	PNT	UPCoM	14/01/2022	17/01/2022	25/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	ASM	HOSE	14/01/2022	17/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:30	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
23	TVP	UPCoM	14/01/2022	17/01/2022	15/02/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	BMP	HOSE	14/01/2022	17/01/2022	10/2/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	SAF	HNX	14/01/2022	17/01/2022	25/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	TNG	HNX	13/01/2022	14/01/2022	24/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	C32	HOSE	13/01/2022	14/01/2022	26/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	TRA	HOSE	13/01/2022	14/01/2022	25/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Tổng hợp kết quả kinh doanh Q3.2021

Ngành	Số DN	DT 9T.2020	DT 9T.2021	%	LN 9T.2020	LN 9T.2021	%
Ngân hàng	27	198,839.82	258,217.79	29.9%	75,681.66	109,596.51	44.8%
Bất động sản	79	184,251.23	231,588.94	25.7%	29,047.18	43,326.16	49.2%
Dịch vụ tài chính	39	18,811.40	34,391.88	82.8%	4,065.13	12,078.97	197.1%
Dầu khí	22	272,421.96	332,746.37	22.1%	2,927.65	14,305.20	388.6%
Thực phẩm và đồ uống	75	235,815.68	251,010.55	6.4%	20,759.15	21,700.93	4.5%
Sản xuất và KD Thép	26	170,680.56	253,124.22	48.3%	9,969.25	35,433.69	255.4%
Bất động sản KCN	21	34,477.69	41,022.64	19.0%	5,523.15	7,474.69	35.3%
Điện	43	113,909.05	93,270.96	-18.1%	6,746.48	10,271.53	52.3%
Vận tải - Logistics	73	69,641.33	84,393.96	21.2%	4,567.27	7,087.62	55.2%
Công nghệ Thông tin	19	27,754.20	31,441.29	13.3%	2,746.08	3,226.76	17.5%
Vật liệu xây dựng	41	39,182.16	41,188.56	5.1%	3,360.53	3,735.53	11.2%
Bảo hiểm	12	44,114.42	47,818.64	8.4%	3,138.99	3,967.79	26.4%
Phân bón	13	26,744.35	36,070.62	34.9%	25.91	2,392.16	9132.5%
Xây dựng	113	113,332.43	122,912.58	8.5%	6,146.17	5,131.11	-16.5%
Y tế	35	38,315.15	35,467.99	-7.4%	2,125.84	2,229.91	4.9%
Hóa chất	24	32,936.63	47,082.16	42.9%	1,767.42	2,580.47	46.0%
Nước	48	16,177.90	16,359.90	1.1%	2,097.46	2,345.69	11.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	30	35,690.97	36,240.25	1.5%	1,933.16	1,910.13	-1.2%
Dệt May	21	40,979.66	42,409.79	3.5%	1,183.75	2,031.11	71.6%
Thủy sản	23	41,516.25	44,539.74	7.3%	1,929.57	2,157.15	11.8%
Khoáng sản	30	46,601.30	56,333.45	20.9%	762.00	1,065.63	39.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69	59,365.08	67,950.53	14.5%	7,089.88	8,602.05	21.3%
Tài nguyên Cơ bản	19	17,407.79	21,540.43	23.7%	473.80	1,298.03	174.0%
Bán lẻ	23	135,505.76	150,335.61	10.9%	3,311.69	4,719.81	42.5%
Cao su	13	2,861.45	3,884.68	35.8%	314.82	730.75	132.1%
Truyền thông	28	5,963.07	6,134.91	2.9%	439.38	609.73	38.8%
Ô tô và phụ tùng	11	27,097.78	25,469.26	-6.0%	644.48	538.95	-16.4%
Bao bì	16	14,803.44	20,276.07	37.0%	576.74	271.83	-52.9%
Xây dựng và Vật liệu	59	22,218.41	21,591.16	-2.8%	1.88	223.43	11763.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	5,102.99	5,239.13	2.7%	48.41	83.41	72.3%
Viễn thông	5	25,840.95	25,954.55	0.4%	2,844.94	1,313.18	-53.8%
Du lịch và Giải trí	28	12,473.61	10,452.49	-16.2%	(16.79)	(222.92)	
Tổng Cộng	1090	2,130,834.48	2,496,461.13	17.2%	202,233.03	312,217.00	54.4%



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931